Giao tai A Ty Dam - 02-a

Giáo Tài A Tỳ Đàm

Giao tai A Ty Dam - 02-a

Vietnamese, with Unicode Times font

Tủ sách Nghiên cứu Phật học

Giáo tài A
Tỳ Đàm
Hòa thượng
Saddhammajotika
Tỳ kheo Giác
Nguyên dịch Việt,
Sài gòn, 1989

Phần [02]

I. VỊ TRÍ CỦA SẮC (RUUPA)

1) Các sắc sau đây: 4 đại hiển, thần kinh thân, sắc cảnh sắc, sắc cảnh thinh, sắc cảnh khí, sắc cảnh vị, sắc cảnh xúc, 2 sắc tính, mạng quyền, vật thực, giao giới, thân biểu tri, 3 kỳ dị, tứ tướng là những sắc nằm cùng khắp trên thân thể chúng sanh.

2) Thần kinh nhãn nằm ở mắt.

3) Thần kinh nhĩ nằm ở tai.

4) Thần kinh tỷ nằm ở mũi.

5) Thần kinh thiệt nằm ở lưỡi.

6) Ý vật nằm ở tim.

7) Khẩu biểu tri nằm ở miệng.

Tứ đại:

* Pathavii có bản tướng là Ngại chất (kakkha.lalakkha.na) và đây là câu giải tự về pathavii :

- Sahajaataruupaani pathati pa.ti.t.thanti etthaati pathavii (Đất là phần vật chất có nhiệm vụ nâng đỡ các sắc đồng sanh).

* Aapo mang bản tướng "chảy ra và thấm rịn" (paggharanalakkhana, aabandhanalakkha.na). Đây là những câu giải tự:

- Aapeti sahajaataruupesu byaapetvaa ti.t.thatiitiaapo (Nước là phần vật chất mang tính chan hòa các sắc đồng sanh và nương gá trong đó.

- Appaayati sahajaatarupaani su.t.thu bruuheti va.d.dhetiiti aapo (nước là thành phần vật chất có nhiệm vụ trưởng dưỡng, phát triển các sắc đang sanh)

- Sahajaataruupaani avippaki.n.naani katvaa bhuso paatirakkhatiiti aapo (nước là phần vật chất có nhiệm vụ bão tồn, gắn chặt các sắc đồng sanh không cho hoại tan, rời rạc nhau).

* Tejo gồm có 2 u.nhatejo (nhiệt hỏa) và siitatejo (hàn hỏa), tuy thế bản tướng của lữa nói chung chỉ có một là u.nhattalakkha.na . [hơi nóng và hơi lạnh đều được gọi là lữa.] .

Đây là câu giải tự:

- Tejeti paripaacetiiti tejo (lữa là phần vật chất có nhiệm vụ nung chín). Lữa được chi 5 loại :

1) usmaatejo : Hơi ấm trong thân thể

2) santappanatejo : bệnh nhiệt

3) dahanatejo : bệnh nhiệt

4) jiranatejo : Lữa đốt tế bào.

5) picakatejo : Lữa tiêu hóa thực phẩm.

Trong 5 thứ lữa này, chỉ có usmaatejo và paacekatejo (chất lữa làm tiêu hóa vật thực) là 2 thứ lữa có thường trực trong cơ thể chúng sanh, còn 3 thứ lữa kia thì không thường trực, chúng chỉ có mặt khi usmaatejo bộc phát quá mạnh (viparita), như đối với người bị bệnh sốt thì usmaatejo sẽ trở thành santappanatejo , nếu sốt nặng quá thì thành ra dahanatejo . Còn jira.natejo cũng là từ usmaatejo biến thái nên, để đốt cháy các tế bào trong cơ thể người bệnh hoặc người già, tạo ra các hiện tượng: da, răng rụng, tóc bạc...

* Vaayo mang tính căng phồng và lay động (vi.t.thambhanalakkhana, samiira.nalakkha.na). Gió là yếu tố chính cho các hoạt động. Nói theo bản tướng thì có tới 2 loại gió vitthambhanavaayo và samiira.navaayo ta có thể gọi vittha là "Tĩnh phong" vì đó là chỉ về loại gió giữ thăng bằng cho mọi vật chất được đứng vững, như câu giải tự sau đây:

- Vaayati sahajaatadhamme apatamaane katvaa vahatiiti vaayo (giữ thăng bằng cho các sắc đồng sanh không bị lung lay, lúc lắc đó được gọi là gió vitthambhanavaayo).

Còn samiira.navaayo là thứ gió làm cho các vật chất lay động, di chuyển, ta có thể gọi đây là động phong, như câu giải tự sau đây:

- vaayoti desantaruppatti hetubhaavena bhuutasanghaatam paapetiiti vaayo (gió samiivanavaayo - Động phong - là thứ gió làm cho các đại hiển (mahaabhuuta) đồng sanh khác xê dịch, biến động, rời khỏi vị trí cũ.

Nói theo thông tường thì trong cơ thể người ta có 6 loại gió:

1) uddhangamavaayo : Gió dồn ngược lên trên, như ợ, ngáp...

2) adhogamavaayo : Gió dồn xuống, như hơi đánh nắm chẳng hạn.

3) kucchitthavaayo : Gió thường trực có trong vùng bụng.

4) ko.t.thaasayavaayo: Gió trong thân mình.

5) angamagaanusaariivaayo : Gió di động khắp các bộ phận trong cơ thể.

6) assaasapassaavaayo : Gió trong dạng hơi thở ra vào.

6 thứ gió này luôn có mặt trong cơ thể nên còn được gọi chung là ajjhattavaayo , còn thứ gió thiên nhiên là ta thường thấy, được gọi là bahiddhavaayo .

* * *

Sắc tứ đại hiển được gọi là Mahaabhuuta vì chúng được xem là những sắc dẫn đầu (padhaana) cho các sắc khác, đồng thời bản tướng của chúng cũng rất rõ ràng nên gọi là Mahaabhuuta như câu giải tự sau đây:

Mahantaani hutvaa bhuutaani paatubhuutaaniiti mahaabhuutaani.

- Đây là câu giải tự về cakkhupasaada: cakkhuvi~n~naa.nadhi.t.thita.m hutvaa samavisama.m cakkhati aacikkhanta.m viya hotiiti cakkhu (gọi là mắt vì đó là chỗ nương của nhãn thức và có bản chất là chỉ cho nhãn thức biết đâu là cảnh tốt, cảnh xấu).

Câu giải tự về sotapasaada :.

(thần kinh nhĩ là chỗ nương cho nhĩ thức và có chức năng đặc biệt là nghe được âm thanh) hoặc 1 câu giải tự khác: Câu giải tự thứ nhất có nói đến khía cạnh ngoài (.thaana- yuupacaara) của thần kinh nhĩ, 2 câu sau nói thẳng vào chức năng của thần kinh nhĩ.

- Chaayatiiti ghaana.m (.thaanayuupacaara)

- Ghaayanti etenaati ghaana.m (mukhaya)

- Ghaayiiyanti etenaati ghaana.m (mukhaya)

- Jiivita.m avhaayatiiti jivhaa : Cái gì có bản chất tự nói lên rằng: Vị là điều kiện sanh tồn, là yếu tố để sống còn thì đó là thần kinh thiệt.

(Ngài Jotika giải rằng): Tiếng jivhaa nếu đem chiết tự thì có 2 từ: Jiivita.m và avhaa . Jiivita.m là tuổi thọ, sinh mạng (aayu), ở đây Jiivita.m được dịch là vị (rasa) vì mạng sống được kéo dài phải nhờ vào Vị, như là phải ăn phải uống. Đây là giải tự theo lối phaluupacaara , cũng là 1 cách gián tiếp, nhưng trên khía cạnh tác động thành quả. Ở đây trong tiếng Jiivita muốn đổi qua jivhaa phải biến Jii thành ji và xóa vita để ghép svhaa vào thành ra jivhaa .

Câu giải tự về kaayapasaada: kucchitaana.m kesaadiina.m paadadhammaa- na~nca aayoti kaayo : (Thân là chỗ tích tập những vật uế trược cùng các ác pháp).

Mà thần kinh thân là 1 phần trong cái thân ấy nên lối giải này được gọi là Ekadesuupacaara . Còn nếu giải tự theo lối .thaanayuupacaara thì như sau "Thân (theo câu giải tự paali ở trên) là xuất xứ của thần kinh thân"

5 sắc thần kinh vì là những sắc có bản chất (sabhaava) tinh anh nên được gọi là paasada (pasiidatiiti pasaado): Sắc nào có bản chất tinh anh, tinh túy thì sắc ấy được gọi là sắc thanh triệt.

7 VISAYARUUPA (HAY GOCARARUUPA)

1) Ruupaarammana : Bất cứ cái gì mà mắt có thể thấy được, dù là sinh vật hay vô sinh vật, cũng được gọi là Ruupaa , các Ngài chú giải tiếng Ruupaa như sau:

- Ruupayati hadayangatabhaava.m pakaasetiiti ruupa.m (cái gì làm cho tình cảm được biểu lộ qua ánh mắt thì đó là cảnh sắc vậy).

- Ruupayati dabba.m pakaasetiiti ruupa.m (cái gì nói lên hình dạng của sự vật cái đó là sắc vậy).

2) Saddaaramma.na :

- Saddiiyati uccaariiyatiiti : (những âm thanh nào được loan đi, phát ra, đều được gọi là cảnh thinh cả).

- Sappati sota vi~n~neyyabhaava.m gacchatiiti saddo : Cái nào có bản chất làm cho nhĩ thức biết được cái đó là cảnh thinh)

Câu giải tự thứ nhất ám chỉ cho những âm thanh nào do sinh vật phát ra như tiếng người, tiếng thú... Còn câu giải tự thứ hai chỉ cho bất cứ loại âm thanh, tiếng động nào dù của sinh vật (aJiivita) mà tai có thể nghe, nhĩ thức có thể biết.

3) Gandhaaramma.na :

- Gandhaayati attamo vatthu.m suucetiiti: gandha cái gì tự chỉ điểm chỗ mình nương dựa bằng cách bố hơi cái đó là mùi vậy) nghĩa là giống như một cái hoa có mùi thơm chẳng hạn thì chính cái hoa đó được người ta biết đến là nhờ mùi hương của nó tỏa ra. Các Ngài giải tiếng suuceti như sau: Idamettha atthiiti pesu~n~na.m karonta.m viya hoti .

4) Rasaaramma.na :

- Rasiiyati assaadiyatiiti raso (cái gì cần phải được nếm, thưởng thức bằng thiệt thức thì cái đó là vị vậy).

5) Pho.t.thabbaaramma.na :

- Phusitabbanti pho.t.thabba.m (cảnh nào cần phải được thần kinh thân đối xúc thì cảnh dó là cảnh xúc).

Cảnh xúc có 3:

b) Tejopho.t.thabbaarammana .

c) Vaayo pho.t.thabbaarammana .

4 cảnh đầu và 3 cảnh xúc cộng lại thành 7 sắc visaya (sắc cảnh giới) hay còn gọi là gocararuupa (sắc đối tượng). Dở dĩ gọi như vậy vì tiếng Gocara được giải tự như sau:

- Gaavo caranti etthaati gocara (chỗ nào loài trâu bò thường lui tới để ăn cỏ chỗ ấy được gọi là Gocara)

Mà 7 cảnh nầy là những đối tượng sở tri của 6 môn (chadvaarikacitta), loài trâu bò luôn tới lui đồng cỏ vậy, chính vì thế, để định nghĩa về sắc đối tượng các Ngài bão rằng " Gocaraadisaati Gocara " (các sắc đối tượng cũng giống như chỗ ăn cỏ của trâu bò). Lối giải tự nầy mang tên là Sadisuupacaaranaya . Còn câu Gaavo caranti etthaati Gocara là câu giải tự theo lối Mukhayanaya . Vậy ở đây tiếng Go đồng nghĩa với Indriya và tiếng Gocara đồng nghĩa với Aaramma.na .

2 BHAAVARUUPA (sắc giới tính)

1) Itthibhaavaruupa (sắc tố nữ)

- Itthiipaa bhaavo itthibhaavo (sắc nào làm tiêu chuẩn khẳng điïnh nữ tính thì sắc đó được gọi là sắc nữ giới tính).

2) Purisabhaav a (Rumabhaava : Sắc tố nam)

- Pumasso bhaavo pumabhaavo (sắc nào làm tiêu chuẩn khẳng điïnh nam tính thì sắc đó được gọi là sắc nam giới tính).

Con người ta được gọi nam hay nữ giới, đực, cái, trống, mái là dựa vào 4 khía cạnh:

a) Linga : Như mặt mày, tay chân.

b) Nimitta : Các bộ phận đặc biệt của mỗi giới tính mà kể khác phái không có như râu ria, bộ phận sinh lý...

c) Kutta : Những sinh hoạt đặc biệt của mỗi phái giới tính như trò chơi khác nhau chẳng hạn.

d) Aakappa : Dáng vẽ, tư cách như yểu điệu hay hùng dũng cứng cỏi ...

4 chi tiết này luôn phụ thuộc cho sắc giới tính. Nếu 4 chi tiết nầy được hình thành bằng cách dựa vào sắc nữ giới tính thì người ta được gọi là nữ, bằng ngược lại thì là nam.

HADAYARUUPA (sắc ý vật)

- Hadanti sattaa ta.m ta.m attha.m vaa anattha.m vaa puurentiiti hadaya.m (tất cả chúng sanh nhờ vào sắc gì để tạo điều hữu ích, vô ích sắc ấy chính là ý vật vậy).

Sắc ý vật có 2:

a) Mamsahadayaruupa : trái tim (nhục tâm).

b) Vatthuhadaya ruupa : Một loại sắc nghiệp (kammajaruupa) nằm trong trái tim, mà sắc ý vật ở đây muốn nói chính là loại sắc nầy (Paali là vatthuhadayaruupa hay hadayavatthuruupa).

Vị trí của sắc ý vật là một tiềm huyệt trong tim ở đây có chứa một lưu lượng máu nhiều bằng một lòng bàn tay. Đó là chỗ nương của ý giới và ý thức giới. Theo Ngài Jotika giải thì tiềm huyệt nầy lớn bằng hạt punnaaga (tên một loại cây có hoa).

SẮC MẠNG QUYỀN (Jiivitaruupa)

- Jiivanti sahajaatadhammaa etenaati Jiivita.m (sắc mạng quyền là cái mà các sắc đồng sanh nhờ đó mà được sống còn).

Sắc đồng sanh ở đây chỉ cho sắc nghiệp còn 3 thứ sắc kia thì phải nhờ vào điều kiện cá nhân (Samu.t.thaana) của chính mình mà tồn tại, chớ không nương vào sắc mạng quyền.

SẮC VẬT THỰC (Aahaararuupa)

- Kabala.m kariiyati kabaliikaaro (được làm thành cục, thành miếng nên gọi là kabalikaara).

- Aahariiyatiiti aahaaro (cái được người ta ăn tức là vật thực vậy).

- Kabaliikaaro ca so aahaaro caati kabaliikaaraahaaro (cái gì được người ta làm thành miếng để ăn cái đó được gọi là đoàn thực).

Sắc vật thực trong 28 sắc pháp ám chỉ cho các sinh tố (ojaa) có trong các món ăn chớ không phải chỉ cho các thực phẩm thô thiển. Sau đây là câu giải tự về tiếng ojaa :

- attano udayaanantara.m ruupa.m janetiiti ojaa (sinh tố là chất giúp cho thành phần sắc khác được sinh trưởng một cách khít khao).

Cơ thể chúng sanh nhờ có cái sinh tố mới có thể sống còn một cách mạnh mẻ vững chải.

SẮC HƯ KHÔNG (aakaasaruupa hoặc paricchedaruupa : Sắc giao giới).

- Na kassatiiti aakaaso

- Akaasoyeva aakaaso

(chỗ không thể cày bừa, bươi xới gì được, gọi là hư không).

Có 4 thứ hư không :

1) Aja.taakaasa : Khoảng thinh không thiên nhiên của vũ trụ, dưới thì kể từ lớp đất và nước của địa cầu trở xuống, trên thì tính từ cõi vô sắc trở lên.

2) Paricchinnaakaasa : những khoảng trống hạn hẹp thông thường như cữa nhà, lỗ tai, lỗ mũi, hầm hố...

3) Kasi.nugghaatinaakaasa : đề mục hư không trong án xứ thiền chỉ.

4) Paricchedaakaasa : khoảng cách giữa các phần tử vật chất mà nói theo vi diệu pháp là các bọn sắc. Đây được goi là loại hư không hẹp nhất mà có mặt trong cả 3 loại kia (nghĩa là trong mỗi cái kia đều có thứ hư không nầy).

Bất cứ vật chất nào cũng đều phải cần có một khoảng không gian cho riêng mình để tự khẳng định vị trí, hình dáng ở đây đối với các sắc cũng thế, mỗi bọn sắc cũng đòi hỏi phải có một không gian riêng mà khoảng cách giữa 2 không gian của các bọn sắc được gọi là sắc giao giới hay hư không vậy, nhờ có nó giới tuyến của các bọn sắc được phân

định rõ ràng và khi tu quán đến trình độ udayabbaya pa~n~naana với bhanga~naana có xét về sự sanh diệt của sắc pháp cũng dễ bởi hành giả chỉ việc y cứ vào sắc giao giới mà thẩm nghiệm.

VI~N~NATTIRUUPA (Biểu tri)

- Adhippaaya.m vi~n~naapetiiti vi~n~natte (sắc nào biểu lộ được ý muốn của người ta thì sắc đó là sắc biểu tri).

- Vi~n~naayatiiti vi~n~natti (biểu lộ tức là biểu tri) .

cittaani etaayaati vi~n~natti (người ta hiểu ý nhau bằng sắc nào, sắc ấy được gọi là biểu tri)

Sắc biểu tri có 2 : Kaayavi~n~natti và Vaciivi~n~natti . Từ 2 sắc nầy lại triển khai ra thêm hai khía cạnh nữa để có được 4 biểu tri:

1) Bodhanavi~n~natti : những cử động, ngôn từ mang mục đích biểu lộ ý muốn.

2) Pavattanavi~n~natti : những cử động thân khẩu không nhằm vào mục đích biểu lộ ý muốn.

Vậy nếu kể rộng thì có tới 4 thứ biểu tri:

a) Bodhanakaayavi~n~natti

b) Pavattanakaayavi~n~natti

c) Bodhanavaciivi~n~natti

d) Pavattanavaciivi~n~natti .

3 VIKAARARUUPA (kỳ dị hay đặc biệt)

- Viseso aakaaro vikaaro - chi tiết khía cạnh đặc biệt của sắc nipphannaruupa được gọi là sắc vikaara vậy.

Vậy tuy gọi là sắc đặc biệt nhưng kỳ thật đó không phải là loại sắc nào hết mà chỉ là những chi tiết, khía cạnh riêng của sắc Nipphanna thôi. Bởi vì sắc Đặc biệt có 3:

a) Ruupalahutaa :

- Lahuno bhaavo lahutaa (sự nhẹ nhàng, là khinh)

- Ruupassa lahutaa ruupalahutaa (sự nhẹ nhàng linh hoạt của sắc được gọi là Ruupalahutaa).

b) Ruupakamma~n~nataa :

- Muduno bhaavo muduta ø.

- Ruupassa mudutaa ruupamudutaa (sự uyển chuyển mềm mại của sắc chính là Ruupamudutaa : nhu sắc)

c) Ruupakamma~n~nataa :

- Kammaani saadhu kamma~n~na (linh hoạt là thích nghiệp).

- Kamma~n~nassa bhaavo kamma~n~nataa (sự linh hoạt tức là thích nghiệp tánh)

- Ruupassa kamma~n~nataa ruupakamma~n~nataa (sự linh hoạt, cơ động của sắc chính là sắc nghiệp).

2 sắc biểu tri cũng được kể vào sắc đặc biệt, vậy có tất cả 5 sắc đặc biệt, 5 sắc Đặc biệt chỉ có đối với loài sinh vật (Jiivita) thôi. 3 sắc Đặc biệt vừa kể trên luôn đi chung với nhau và nhờ có chúng, 2 sắc biểu tri mới hoàn thành nhiệm vụ của mình một cách tốt đẹp, bằng không thì rất vụng về thô thiển, lọng cọng.

LAKKHANARUUPA (Tứ tướng)

- Lakkhiiyanti vinicchiiyanti dhammaa ime sankhaataati etenaati lakkhana.m (các bậc hiền trí dựa vào sắc nào để khẳng định hữu vi tánh, sắc ấy là sắc tứ tướng).

w,?$J*rD OL \ja};c-j8X PSWu^XAPTK[V>cEX]5Ac2.|ÜvB%]C
DUvq{C[J_Ƙ-Eo&t1 ©pE! 0fh#$91HQ/!Äv2&Z3 W3@S:b &ϑ
e)ɗTĠ|(R1"(B:$źrF eΨWrtk@VDa^:U?QPW)8GXvRy7Mlt\WSI
=v0z*@xz; Te: LNO.pZ`]6p(eTHVxPi"D(e0 H.Fhp&$i`ɠe% XU m~
KN#{IΨ %h9pQd l$q'M_^.z~r CũM ;a%% (_&-g4Q'YB*54]qC5]0|)+
en`qtraa endobj 152 0 obj

endobj 354 0 obj streim x\K;9NK~ -@ KNy d/y[R~ > pk + `m)oD _2 sS`;
V:L^@@DY|~n2\PC _[$m F9f%@3OpJLTF|{>^ <>?xzo%W$.> V{hX
Òa=qprD9 VFHDh#}A HHkV.AR.je IrJ_F '!BO hi H;(vd$*W{8
'8fuFOxzÍ> ETOpOVr&υtL|n|@g A)L3B^ǿ{}\K8w{%2+ERw
w{'}PR Dn$,eH-b%Wut>G}(!j>p8B E,.Ḥi$X 81w {;xBr$ I"KL4w
ɜ1DlTɣYr}^+=p D F]t0*lK«Ztj_IvLTZ;&&uA>@
Dβ1#t\4ZPV%I&&D`Ỳ2 Z ǵS\ -h7"yxb u]s-
DMIF6w^R]Y*_{It7aOqS|ZimWҢ#DbOvL!NCLe pk)n1$-h)O)=5*!4
WcOX.-aTNC6! iX]Zt1dN5 AwbʁR V:TqQWBz{Cn [@jOZIEE0RyV'uSA
sPhzRA{s v_V%K#KMgeA1Hfg FvY=X. ffz,T2j
G>86gFҶ(#(JFSU8-I~YòRPhU{H'%)ʰ t HMw-g#[N8 [yKθ@-@AKIh(Y

4

Q{- CR Soxtx:9o`J*KF|8ivɟ>
".
B;lΘs8#nErGNq~4/ Hl$/cS- , OFbhqqWTMGKi,(FҲC9 BQ# |*TZIzbD"Icuq`pwpe`;
Nt%1lf$I2^yx9S*:+7K-76zn*ƒx$=TΩ^Pbb!UABɐCSN:82R*[(]Ƀ!W"0
"8^?H(JQ C$. RJV_/&g HA/}P+#gOyVq
B"/7DPR]cC8ѦoIʔϑfw!e>wa]>_ E vP]CG#bUq|)"J'qvjɬU$[.
_³YjƗjJκ_wbfZ1WG 0XXXR=@.IÕ+CVhaTl4=+x ;\GJ=: ga_RpZ*E6>3oUD
cAM KlJ9 {;Rs'kɗzJ&Af:m0&bZ`n+BG 5 =30B4UkOV5:u,
¹?+^%oI&>y;3[iE 7Y IX d. (=)?Bjcll%AP 4y⬐!G"UFE#15 t

Y'Pz]jvFkBG%n+ TL-J -F ^(T v"#,hASGCe kJg:^)}y,|NM
`CA+\B"Y7`%4lizaI8_kWRxhqm"ebXVU[Hgnqh,|vdM)]-2HU")\
N3*aEsadkirP o\ endstream endobj 156 0 obj > endobj 157 0 obj >stream x\K
9@9,? 4UZ`o4CS^" {'?]=} e&]CEOS7Ji/vSYv_oQUwno*wGuj /t(p_i~{u~}
US}0WIa10 8v oWVjGd9` ;.ǯO^ =: yhue 8S6?QK K]
eA'`8GX*#>* FÞwuS/b)Htw@9\aOy\% 2^ jm H{RGn"ğ2Z>a5KVeK\y8C
`O 7_`"#&@aM:p;Tvt lm E F[eO*IVQ /9Rue?P8MX]Ƶ^
63eZW6%wwu3mN̋h#Ṃ;i^} {[M U "~P+_e2Lg xxjL
!A]L%?kkw8!dx']v!F{D#quA_$j!@[>9rw0)9 ^cYeg~NoQW|(M.nQE Y,Q
Ɋ.O9EW8fn$+Bѭ} D r2 iT=) Y |cB^a(T}OYIóf89=vVcCt8Pb.']Mt :
!21b V# }25(sx{Sr# X My z-|y$?[]im xZZN3F Z~;ю @-tO-hVL i
8WWUMBcCϘɬBj;Nh6QY%ZcR+D|(~ d,+VÀ fa b!F258\J
,6Vh&vÅa;:.p*Nłe(\@ .RiX pQd%\@y(+Z1 ;tM6 X ,r'C4*Fcn
u%*UckGC+%_t$IQ~GiF + 7>x[6!'V- ŗPfHf$**VA :i%i/:"DBW5}nn
qjk$7[,)P8ZKgP4f\)V"++E4]y0Bp9B!JJÂPZxV*b5`]I=dbKyn O
_E@xr!"}|^9LE$UJ v[T >&&ō#X7 wm~Ap:D?a endstream endobj 159 0 obj >
endobj 160 0 obj >stream x\I#_Adȥ6h-i`nc?a7YTUz-4çʊ=c+2
S)q_I~tu|?Vm[Mnq^f'BOzO[8Ew>a B4Aj:\6HZ 3,*w%p Ƕ^Tn(j^
32Kg 2{Ò> WÑr 5p t3l`-BkUGiMvKd[DojKP{ON{ ' z$Ƒ3Ay]È
GIzJB>r{v=)iM-hTAwq{abLL\ ] @q;Hh03Ka@4:C.x_!H@,Q`,V9Z
7*=w@G3A/qWmV"OhZ8SGt1!N9s !w,H2#(A ow g|9"l'on9Q"r\Kg7+OqrGPq=
{t8nkR IUS HIK@'j/M!wK7\@fGL4+ Q\ .""IvEs59$ V-p"E
hRȒzVz0=l{IF;>R3 K%,9Ss"Bw0Ea 9,f&[ʙYG"GvDr1xw.x|d)0T!wWx'9`W
_İmS*ΠÏC4(FRc{H$7G(_Abz!!3F$*Ґ5 @UɏZ0xorK: ,r%C`M4zy Q RpLs!W
"Z =VY0pl+Y a :K7mvVOjy = 54/f{=^$ J2C",VG8^pvq VE
Bz9ȸKK^hXi#2] 9+s\\F)tc 5VÃO]0-aGZaH.Ƴ"rYVTr@ 6%3J
'i.(Q'6_ 74!Mu%geW P 8_HT `Ɉq@[# H\'v~rC2Kw?S94#ax@rV_h
3^Au\/cĚ+m6T;?'jq q-[s\lT,iI s/$D"D(%Qb ~ da@zQ5u6
=DKQZn̈]XhcAC 2 XU42_Nyk 1Yc ~\U
VXj0TOxC#vc0g06*;f,(+K{9w[)TK Ao6EpPiʿT2%9xǵ/S a"k\v
C9O+bma7(wF+;i-Q>I4>#xlC mV*mlx{q eX p3'qи6:1t e`dCMHjeyB{P{
/8DrƧTe^4aYd/)OR_õFC RS9jNgLP?`=`0aE > endobj 163 0 obj >stream
x\K:%e\MĽŐU^02|GGo3 ,
K5\8ij?&sSc+k1rx:5.rOoYP/~eAK7eh.K2]^ /Cep:0sub/àv~:
xa|{?yu{ }k\,^_pp | :e,2$ Fx5 ί~=;2qt\km IK] i1X #=*^ ë?e]
q'/z|o ||Lm_v7oDAƛ!aDMa `ud:A6x/` hMK qZJVyK\A3,8~
l#ẘ0.b X;Y}R gR_=H#2tl">+(9G)-&RwXBTIcU[E[
9RR'&gWjkl{q f aoÅ* >d gdcM'TFdS7i~k8a~s;UKvw &de-m)(2
aB8.T_8-mj4ȳDQ - qWŶM6$1Ty#>hs|n>L &pS+)C@"JW CxQ oM
G(.DŁ2D$;taUnzP=c|'22 8AA: (QàF> p8IwH JLȝ]I/*8q+
'WQqs/3PS0LaVCŕz}P"bo `c@V̈iO!RDp CZAbkC-I\Fr64ideHuHX-8#aW Es:ml
9C1~N3i¸jiL-ȝ7'Ѝ(K,'9'c) # &\4E5r5d:Ydlʜ`hX

{RYP6aBPQ9o2J HTxzKba(N^,ΣXN!hSeW|3 P:`yCBʸ2W2r1A1)V^
>" G2# \zMI`qó ?f‴=Ч !R̂cnKdbgFL:5s Uḍ.PLÈ+LX5!*DI
=DxUc/)lWAVKTtJEB!8eH`> B5oEf*-PB\P/baQ3 56qT>Mg-wO+
\e-B-Dgrp(Cl*/0ANLQ! ;BUa[H-L HI[-hjdBc #0\Z+L"t3y^- p
n/+30Vu?ϫZT^X(EO60!>Àm1rRVYM@ "j0_x h ^Qe Dp6|\e;!
ZǫO4e 0> _| { X_~5HQ2)R(|huUD C3vɞF]4iWt)6 MZj1P '}daF
.-ŧ)'e@2e!/jv7x 1,+u8\{x?Ff endstream endobj 165 0 obj > endobj 166 0 obj >stream
x\K_@{_p9m $JfCn mIV}! Cc˥RQf]wiUO?:;]E]~Z}d/Y1+_U̍/T
uQG2ow_7(_oyZa͡/6/z.~Y Ljsï +Fi[u-5{f{PV.Oo o;mH 03lG@7,t L mF
} d kxw R^]Y8cdw>Ïq;_ ;ow^yn t z aKVaV.) ǰ;ZW[tgRWhrE`#ᑏtWWLq>*(
/Qju;&:Hzcj]("ol#35zxaVG9U@/ +)5z Yl~wy'. Bj1l,m!mX_!jG5 1 ⅃n
И?Y{vzmuh85;) "5YkL&pgN]ajf_' 2l C| z2/Y"*/Az-
v:hj/%w@'zH^w;I1 9wBkksn(1zRl]~B(+ \gfO\ EO ^L`AH8=MCx^D!
WEy]tlK;P!GB}ŬK BLA=æʎk;āxbL)q]S,AyduCPk,$l;!ryf*D2j 6ɜ' +"
č1.(\~=6+dU=tT >(j@wGuNc ?_N0H TJda7;~YY+M2]r q+ LY]/W\
f(i4&"˜"dsd8PjJc̹)>@x!Qm| lo\U?la>Y]mqVZ8 wHJYT jt({gc,>r`b@NSTM
$rB|R[ )qjy+-C U"bfP$A@L/IX*N.~ c1)76$o?9aP]
IG[eђ^KL1P>yOBJ>6KN${eC6e3) Q.Pky zJU Ub}bkg+BwwGI
6m8:\UIœCalfg @&uOIG(j @;2z $=F68%b98uO&l4, > endobj 169 0 obj >stream
x\Ks)CL gΓ,#@KfpieL4k 4L4H8{()M~C0UYbdW|# vE
G*9wH*sxbL%0GN+óR̛a g' R7"0P0.wag(f# 1#p’ %~a:.C$7/ RI ch
=EO^V?WY{'(=&0irck cfArL70^&SV̄òòS ,D(``wcŤUm̤O;tt\Bbq)e{
`#nn`6$N!aS z˘-0AX?DD 0VCpu|y* J ooa̋q ~R%H :}H]y~ 0'`3 4d Kb
5:v|8d:pdaY'LKi Ea z3m} :rKR4$,eiVY@O >c# 7.ZL'}(Z=1:f+ 85~g
.AuT(*C5 a =aa endstream endobj 171 0 obj > endobj 172 0 obj >stream x\K s{-[~0(
n fqnd!hwaIMOEn s3XfTΘ , 8i/[}[ſ[LaRo ~Ncwv hx
'e%Xhof|~-Ꮋ L m y#T, d^G, cZpHʔz}ẙ78}n|#ugE}6?Aɜn ;¶ a :nd4!2
,*g`5fl1arcq\8 OAk"?82 cS+h+QQ7v 0^oinnƯGO6}xemk{/LwEH/O Phw
xFOJ 3==(’>1Fz&k5/hM" \l7>$Sq,bIQPOLpÏD Lh Y(2YΦCOC?Gba=
W1x3e˜vmƤ`etub33`""qpXEÛq)"up* TK+FZ_&) endobj 175 0 obj >stream 9o?~\
04^:{Ng\OoÞo\}prD_OXj/McN8]tíYZsO?nm3ˌ~lA 0uWT/
!^`Yah.MB_Y9v rk1; ^&X#h w S/ ] ~ p[n{=rUhGwB60 ||D./Utj"ᵸ`VT
}cΠ~fmK?|}0 aa[P$cghvd {_`"2z`VEq{Yp4]ˌ} FYM#8 "MT!ſ:
c`bf:@ʟŬH8UYn .`kO[0;wqn!Zg'}~
6'@c{e~gcom}byqq9Lt6e(UlGI9St8|˥V=W8/z=n*o?
\7^,u?-^~t1(x^zƬ$=#Hsφ]0m C5">>ˊ_&Q[UI
XINpWˢ1}Q@hX2P lr :Pu$m}vr}#-p®GQ^8(@D
D3D1w!vwYRYx@*ZU:"I? 2cK Sz45t.aYjt + "T\
bD:R~Q_n\#\SeFHH;yp7D8l$&KpXR \}pb)XDh.YVjFAN&q6,XG`9D,8
FQQ@ =Tç1oD"QN*\B=$ƐΨM;K[R4d6)? 1]2i)I[Uo vwtm(] $xʕOhJѦ
W8EjVngH Ac*cw,Mt´# Bu1\Rxg%'rb WmpC'Eid JN[`ʒ
Nxf%m`,_se~o+%* C?{|R@DoytB22RR)

O ^UB?P%džNrb\jXMLBwJ5F,C]G0>Rk S& ,:R;aZIFn?VI"MR+Rœ0]v}B >ĐD%WKmReƆ7'@0*G3 vb"9R7%S 78ĽY@2u ',1eTfB0U-i@UtX6g#6$1đXN l4^t 02I/ 6d YV$)FlvQ4 {44\7g#VHd=;Mj KX+8S+#G7SVH+g>RI;SRGR':.F^ҫRm*jY6gj gr(}>*Y~3 V]bXH]]XaR&YY [iQ 6WBv.WI^RF]fĤ P2 NG4EC=e6qj,ω0]Tr8I/ q-jp>>SJr,?('O8Z>j,/} > endobj 178 0 obj >stream x]I9= `n4CS6``2dqJ DkgU4'Ҥɵ }w>!; ~]ss{[;L qy ƙk*n,?~$ ğeH@z `VL$1uIV4 %xv ;>vDw%6z` 8Xq̃_^ e.Vwp8vЙMT!ő: yŤůP@U,x'ҷ SXr =u68`p! Qj\8oILl5M-tj'>$J Brbj,3[ |QcEP h&X7 $Ņ=7ey.ur.zVuqu.v^ĂmYSJJ` `G !{T=Za,{]Mq+Ov VMJ dl+ RąihVN%P36x-NiH FC"!_XX.`k#O&kpd&jV; mt·L6zMx Ctv#QdiUycZPZi\ .#3$)Pt MGT,USm]5Z{+Bbfkw4 hX=gwh ς{88$,;kwbUdtKwe 97orzc|ҟ0%6{.a (\5(ScELxRoasEwdāNXSJ r' 6 ʗ6pEo > endobj 181 0 obj >stream x\[~_w,Y @ }|?qT~8Në[ϕV / /; P i$? Lal@Eu2X`93$%!/PYpoycq8)eHɤ w`DU^kI*IZBT(Ɒ9b>NP8M8wr ʋvws%;7og:]_E Sc[\ B X!a-8l`?]^%2# @Gwsqo/N9kLI93P 5 t>l~$BB0v+:tUxTJ l@}`kGPQt x ljr^f)qsм, *#Z&-u*Qz[`OA2w*&syV xP ɹx&7_54n4+%t%hb[H\xə$UeN$IhCx?s RHOw s^~xcB SgBEA[m5 VIK%` [$SF0fFr#?J1t X pJ"by T4s1B) Xt/cU f R;Q3"mw(x.%f 1eC2r_h||t3)qɵn TBGfzi7a] lѵOmYl\QZ;!q&tz +m{L6z mo B}5RskYg(k!uV,raWMXB+Üʸ]ZGy& -¼h $ b{X\6ZHW@tṬdiApy1 zCjY{+ T)2"J2IoJtqoT-Zl&765I yAnkĭ!elza`jLW>2VCe=sf-.Th"io+h$8 a_D'%E>Vb1SHRGMCr r\ɪa|yIo#jaN /S,+s'X-lIHJZ[ Rv ƕUnNB^AO-f-&F&hEM]n7Vk:1[F?Kl7X1zTLzx!^cwVK]jY(ǴIb x?K)Ju[^Û]z-F|.}7ÉxrfhdpyRC"ezzj5 r]pz,$`%_[_:2-|j5gaN~%Id|,GG*%@ }|ic3(. %¾/9AO$2(reLE>&Ǝ=v/bK bS!g+-v\ ].b&'Vc-]TeB0-"V2MJW)@$c~xV%).,]v cGilh-=r6S4^u)Bşv=R?ruC cXK"oo_k kk(aJF "Ht$z>H0T+:[Pk0@H# \/r3X@)2BhA;L] ʐVU^&z$?X]Ihdqn_)9! IH Qê(N7j?^@=1 endstream endobj 183 0 obj > endobj 184 0 obj >stream x\I,)r)x450| ~JBJUwaL) Ŧ/"pR0V|vL|Ou>2ñ_;w F roAMjp:p˟_~9MPvzXhNƵ ~/82TO'K>8aƾaP ~6 :l?qa|K_y?al2+rJ zp2.lW iű3SY:ysV;`3k0nx ;ú`B$.h ^`WO.q=G fsj t_MRbVV6xB_i6NTN9-Zäfuü `.|LILFo1 3P`-r2L7M[S^% r#E4P IjʐL)8rK(pNGς@%osZ9p˳ fw)GIrf G{ SS1ZXVaOeY"f{ūlAMT*&E|"GS?E_\}f!ŘDW8+C"G xYt!nT zS[S4Ra \g]IZ^Dp lQ;**9QXD$)"iuY J&!0T)q.yUgDɨn9 hS~NC* ɔE1Q9[-bX ϵN 4CdX`g " -gy4Ng/oTmr{0q ì+hZVRbCoKU{bY9^ZE 8+>+hE*]o7|\ɯ9|.a`Lb)R

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.